TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hùng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Thanh**;

2. Bà **Vũ Thị Hạnh**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa*:** Ông **Trương Anh Tú** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Lương Thị L**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số nhà a, tổ b, ấp M, xã B M, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: **Ông Huỳnh Tấn N**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Địa chỉ: Số nhà a, tổ b, ấp M, xã B M, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lương Thị L trình bày:

Bà Lương Thị L (Viết tắt là bà L) và ông Huỳnh Tấn N (Viết tắt là ông N) tự tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới vào năm 2001 và đăng ký kết hôn tại UBND xã B M, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 10/11/2003.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 15 năm, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Ngọc có người phụ nữ khác bên

ngoài nên không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau và xảy ra xô xát, ông N đã đánh đập bà L nhiều lần, những lần bị đánh thì bà L phải đến bệnh viện ở vùng đầu và nhiều lần khác thì bà bị thâm tím hết cơ thể, ông N đã từng bị Công an xã B M đến lập biên bản xử lý hành chính về hành vi đánh vợ. Các con của bà L và ông N đang trong độ tuổi trưởng thành rất nhạy cảm đối với những vấn đề xảy ra xung quanh nên bà L đã cố gắng nhẫn nhịn và cố gắng bỏ qua cho ông N nhưng ông N không chịu thay đổi, vẫn tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm gia đình, thường xuyên đánh đập bà Lắm. Ngoài ra, ông N không phụ giúp bà L chăm lo cho kinh tế gia đình.

Xét thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chồng là ông Huỳnh Tấn N.

Khi ly hôn, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 24/9/2001 và Huỳnh Công M, sinh ngày 15/3/2006. Bà L không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu M. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không thể trực tiếp tống đạt các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo triệu tập bị đơn đến tham gia phiên tòa sơ thẩm), do bị đơn ông Huỳnh Tấn N thường vắng mặt tại nơi cư trú vào ban ngày hoặc nhận giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án để làm việc. Tại biên bản xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ngày 19/3/2019 (BL 33), Công an xã B M, huyện B cho biết: Ông Huỳnh Tấn N có đăng ký thướng trú tại Số nhà a, tổ b, ấp M, xã B M, huyện B, tỉnh Bình Dương, ông N vẫn đang sinh sống và làm việc tại địa phương. Căn cứ Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn ông Huỳnh Tấn N bằng hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, trụ sở Ủy ban nhân dân xã B M và tại nơi ở của bị đơn ông Huỳnh Tấn N *(*Số nhà a, tổ b, ấp M, xã B M, huyện B, tỉnh Bình Dương). Đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn ông Huỳnh Tấn N không có văn bản chấp nhận hay phản đối hoặc có yêu cầu phản tố đối với việc khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thông báo lý do vắng mặt.

Tại văn bản ngày 19/4/2019 (BL số 43 và 44) , cháu Huỳnh Công M, sinh ngày 15/3/2006 và cháu Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 24/9/2001 nêu nguyện vọng muốn mẹ là bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong trường hợp cha, mẹ ly hôn.

Qua xác minh trình trạng hôn nhân tại nơi vợ chồng thường xuyên sinh sống được chính quyền địa phương, ban ngành, khu, ấp xác định không rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L và ông N. Vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng vì là mâu thuẫn nội bộ và vợ chồng tự giải quyết không nhờ đến chính quyền khu, ấp can thiệp, giúp đỡ, hòa giải.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật của người tiến hành tố tụng. Nguyên

đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Huỳnh Tấn N đã được Tòa án tống đạt các Thông báo tố tụng hợp lệ thông qua hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú, UBND xã B M và trụ sở Tòa án nhưng cố tình vắng mặt không nêu rõ lý do. Do vậy, việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Tấn N là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định. Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

Về quan điểm của Viện Kiểm sát đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Huỳnh Tấn N hiện đang làm ăn, sinh sống trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Huỳnh Tấn N thường xuyên không có mặt nơi cư trú nên cán bộ Tòa án không thể tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn hoặc trực tiếp giao giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông N không đến làm việc. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án đã lập biên bản về việc không tống đạt được văn bản tố tụng cho bị đơn với sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân xã B M và tiến hành thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng (các thông báo thụ lý, công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm) tại nơi cư trú của bị đơn (nhà riêng), trụ sở Ủy ban nhân dân xã B M và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên nhưng bị đơn là ông Huỳnh Tấn N không đến Tòa án tham gia tố tụng theo Thông báo của Tòa án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đồng ý hay phản đối yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của nguyên đơn. Ông N cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Huỳnh Tấn N là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung và đánh giá chứng cứ:

Bà Lương Thị L và ông Huỳnh Tấn N là vợ chồng hợp pháp, sống chung có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(UBND xã B M, huyện T (Nay là huyện B, tỉnh Bình Dương)* nên một hoặc cả hai người đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn bà Lương Thị L, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn trong suốt thời gian chung sống *(Kể từ năm 2016 đến nay)* nguyên nhân do ông N có người phụ nữ khác và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông N thường xuyên đánh đập,

xô xát và làm bà L bị thương, ông N không phụ giúp kinh tế gia đình cùng với bà Lắm, vợ chồng tự quyết định sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên không thể hòa giải trở về đoàn tụ, sống chung. Bà Lắm mong muốn Tòa án giải quyết được ly hôn với ông N để được tự do làm ăn, sinh sống, nuôi con. Ông N không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện, phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên xét thấy bị đơn ông N không mong muốn hòa giải để trở về đoàn tụ gia đình, vợ con. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay ông N vẫn đang sinh sống và làm việc tại nơi cư trú nhưng cố tình không đến Tòa án để tham gia hòa giải. Xét thấy mẫu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cả hai đều không ai mong muốn trở về đoàn tụ để tiếp tục sống chung nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L về việc ly hôn ông Huỳnh Tấn N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 24/9/2001 và cháu Huỳnh Công M, sinh ngày 15/3/2006 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu T và cháu M đã trên 07 tuổi, qua tiếp xúc, làm việc trực tiếp tại Tòa án có sự chứng kiến của người giám hộ trực tiếp, cháu T và cháu M đã đề đạt nguyện vọng mong muốn được trực tiếp ở với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa quyết định giao cháu T và cháu M cho bà Lắm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T và cháu M đủ 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về người cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Lkhông yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu M, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lương Thị Lắm phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 59, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn bà Lương Thị L đối với ông Huỳnh Tấn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Tấn N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83/2003, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã B M, huyện T (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/11/2003 cho ông Huỳnh Tấn N và bà Lương Thị L không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung và mức cấp dưỡng nuôi con: Bà Lương Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Huỳnh Thị Diễm T, sinh ngày 24/9/2001 và Huỳnh Công M, sinh ngày 15/3/2006. Ông Huỳnh Tấn N không phải cấp dưỡng nuôi cháu T và cháu M.

Ông Huỳnh Tấn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung là cháu Huỳnh Thị Diễm T và Huỳnh Công M mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lương Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông N.

Vì quyền và lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một hoặc cả hai đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ hết vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Lắm đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0030457 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- CCTHADS huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND xã BM, huyện B, tỉnh Nam Định;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Hùng